

Phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Lê Thị Mai Hương *

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TỪ KHÓA

Phát triển,
Kiến nghị,
Ngành nông nghiệp,
Việt Nam.

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Tổng Cục Thống kê trong giai đoạn từ năm 2010 cho đến nay và sử dụng các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển của ngành nông nghiệp nhằm đánh giá thực trạng phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngành nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong quá trình phát triển, cụ thể quy mô, giá trị sản xuất ngành nông đã có sự gia tăng, ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm, góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế và hiệu quả bảo vệ môi trường của ngành. Mặc dù có nhiều thuận lợi, nhưng trong quá trình phát triển ngành nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế và khó khăn như giá trị đóng góp của ngành nông nghiệp vào GDP cả nước còn thấp, năng suất lao động của ngành nông nghiệp thấp hơn so với các ngành khác và tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái vẫn còn phổ biến và có xu hướng gia tăng. Trên cơ sở đó, bài viết nêu một số đề xuất kiến nghị góp phần phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam trong thời gian sắp tới.

1. Đặt vấn đề

Qua hơn 35 năm thực hiện đổi mới toàn diện nền kinh tế, Việt Nam đã đạt nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực, các ngành. Trong đó có ngành nông nghiệp, là một trong những ngành kinh tế truyền thống của đất nước, ngành nông nghiệp đã và đang có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển của đất nước. Đặc biệt, Nghị quyết trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn khẳng định “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát

triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước” đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành nông nghiệp phát triển mạnh. Theo số liệu công bố từ Niên giám Thống kê của Tổng Cục Thống kê năm 2005, giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp đạt 183,2 nghìn tỷ đồng thì đến năm 2022 giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp đã tăng lên và đạt 5.545.715,93 nghìn tỷ đồng, đóng góp 11,88% vào GDP của toàn nền kinh tế và giải quyết được 50.604,71 nghìn lao động tham gia công việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong chiến lược phát triển

* Tác giả liên hệ. Email: huongltm@hcmute.edu.vn

<https://doi.org/10.61602/jdi.2024.76.01>

Ngày nhận: 15/12/2023; Ngày chỉnh sửa: 15/02/2024; Duyệt đăng: 24/04/2024

ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đảng và Nhà nước ta đã xác định “Đến năm 2050, Việt Nam trở thành một trong những nước có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành nơi đáng sống, văn minh, xanh, sạch, đẹp”. Trước xu hướng phát triển của thế giới và khu vực, đặc biệt là trước bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ngành nông nghiệp nước ta đã và đang ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Mặc dù có nhiều thuận lợi nhưng ngành nông nghiệp nước ta cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức do biến đổi thời tiết, khí hậu, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và chuyển đổi mô hình sản xuất do áp dụng công nghệ mới. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá thực trạng phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam kể từ khi đổi mới nền kinh tế vào năm 1986, phân tích những thanh tựu, những hạn chế, bất cập trong quá trình phát triển để làm cơ sở đề xuất kiến nghị góp phần phát triển ngành nông nghiệp nước ta trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Một số khái niệm

Khái niệm phát triển: Theo Giáo trình Triết học Mác - Lê Nin - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006) nêu: “Phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Quá trình vận động đó diễn ra vừa dần dần, vừa nhảy vọt để đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ. Sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, quá trình diễn ra theo đường xoắn ốc và hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại đường như sự vật ban đầu nhưng ở mức (cấp độ) cao hơn”. Tác giả Đinh Phi Hồ (2006) nêu “Phát triển là một quá trình vận động đi lên, phát triển phải là một quá trình lâu dài, luôn thay đổi và xu hướng thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện”. Ngoài ra, quan điểm phát triển theo chiều rộng mà điển hình là Thomas Malthus trích theo Bjork, G.J., (1999) cho rằng “Phát triển theo chiều rộng là mô hình cổ điển chủ yếu phát triển dựa vào tăng lao động, vốn, mở rộng sản xuất trong khi đó những yếu tố khác như công nghệ và cải tiến kỹ

thuật không được chú ý”. Trong khi đó, Mô hình phát triển theo chiều sâu được phát triển bởi Solow (1956) và Swan (1956). “Phát triển theo chiều sâu là phát triển chủ yếu nhờ đổi mới thiết bị, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, cải tiến tổ chức sản xuất và phân công lại lao động, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn nhân tài, vật lực hiện có”.

Khái niệm ngành nông nghiệp: Theo Tổ chức Nông Lương thực Liên Hợp Quốc (2021) thì “Nông nghiệp là ngành bao gồm sản xuất cây trồng và chăn nuôi, thủy sản, ngư nghiệp và lâm nghiệp cho sản phẩm thực phẩm và không phải thực phẩm”. Theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam thì nông nghiệp là ngành cấp 1 và là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt, chăn nuôi cũng như khai thác cây trồng, vật nuôi làm tư liệu, nguyên liệu lao động chủ yếu nhằm tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu khác cho nền công nghiệp hiện đại”.

Như vậy phát triển ngành nông nghiệp là quá trình vận động đi lên theo hướng ngày càng hoàn thiện của ngành sản xuất cây trồng và chăn nuôi, thủy sản, ngư nghiệp và lâm nghiệp cho sản phẩm thực phẩm.

2.1.2. Nội dung phát triển của ngành nông nghiệp

Theo nhiều tác giả mà điển hình như:

Nguyễn Thanh Trúc (2015), nội dung phát triển ngành công nghiệp chế biến cà phê bao gồm: tăng trưởng quy mô, chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao hiệu quả xã hội, bảo vệ môi trường.

Đinh Phi Hồ (2006) “có đề cập đến phát triển kinh tế bao gồm: (1) Nhóm chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế bao gồm: Quy mô sản lượng quốc gia, Thu nhập bình quân đầu người, Tốc độ tăng trưởng về sản lượng, thu nhập bình quân đầu người; (2) Nhóm chỉ tiêu phản ánh thay đổi cơ cấu kinh tế bao gồm: Cơ cấu GDP theo các ngành kinh tế, Cơ cấu lao động, Cơ cấu ngoại thương, Cơ cấu vùng; (3) Nhóm chỉ tiêu phản ánh tiến bộ xã hội bao gồm tuổi thọ, giáo dục, thu nhập, chỉ số phát triển con người; (4) Nhóm chỉ tiêu phản ánh môi trường bao gồm mức độ ô nhiễm môi trường và lượng sử dụng tài nguyên”.

Nguyễn Thị Miên (2017) nêu nội dung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững bao gồm: (1) Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững về mặt kinh tế, bao gồm: (i) Nâng cao chất lượng tăng trưởng nông nghiệp (tốc độ và quy mô tăng trưởng

nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định (ít nhất là 5 năm), Cấu trúc tăng trưởng nông nghiệp (dựa vào tiến bộ công nghệ, TFP) Hiệu quả của tăng trưởng nông nghiệp thường được xem xét ở hiệu quả sử dụng các yếu tố vốn, lao động, đất đai và tỷ lệ VA/GO (chỉ số phản ánh hiệu quả sản xuất) của ngành nông nghiệp; (ii) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng hợp lý, tiến bộ tức là cơ cấu ngành nông nghiệp phải chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học công nghệ cao, các ngành có hiệu suất sử dụng tài nguyên thấp, ít gây hại đến môi trường nhằm mục tiêu kép: hiệu quả kinh tế gắn với hiệu quả xã hội và bảo vệ môi trường và (2) Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững về mặt xã hội, bao gồm: Tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu việc làm ngành nông nghiệp theo hướng tiến bộ, hợp lý; Chất lượng cuộc sống của nông dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; (3) Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững về mặt môi trường, bao gồm: Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, Bảo vệ, phục hồi, tái tạo tài nguyên và đa dạng sinh học, phát triển nông nghiệp theo hướng gắn với biến đổi khí hậu.

Theo tác giả Phan Công Nghĩa (2000), để đánh giá sự phát triển ngành qua các thời kỳ thông qua hệ thống các chỉ tiêu: (1) Chỉ số phát triển sản xuất là chỉ tiêu tương đối phản ánh biến động tổng hợp của khối lượng sản phẩm sản xuất của một ngành hay một doanh nghiệp công nghiệp; (2) Năng suất lao động: phản ánh hiệu quả sử dụng lao động sống; (3) Năng suất vốn: Chỉ tiêu này được xác định bằng cách chia giá trị tăng thêm cho vốn sản xuất hoặc vốn cố định bình quân năm; (4) Thu nhập bình quân một lao động; (5) Tỷ suất lợi nhuận: Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng cách chia tổng mức lợi nhuận trước thuế cho tổng chi phí sản xuất; (6) Tỷ lệ xuất khẩu được tính bằng cách lấy tổng trị giá xuất khẩu chia cho giá trị sản xuất theo giá thực tế.

Dựa vào các nội dung nêu trên, bài viết đánh giá sự phát triển ngành nông nghiệp qua các nội dung sau:

(1) Tăng trưởng quy mô: tăng trưởng về sản lượng hay giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp.

(2) Chuyển dịch cơ cấu: tăng tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học công nghệ cao, các ngành có hiệu suất sử dụng tài nguyên thấp.

(3) Hiệu quả kinh tế: bao gồm các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của ngành nông nghiệp. Trong đó, Chỉ tiêu kết quả bao gồm: Doanh thu, Lợi nhuận và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả bao gồm: tỷ suất lợi

nhuận/chi phí; lợi nhuận/vốn

(4) Hiệu quả xã hội: bao gồm chỉ tiêu về sự gia tăng về số lượng việc làm, gia tăng về thu nhập người lao động, điều kiện làm việc của người lao động, an toàn xã hội, an ninh quốc phòng, đóng góp vào ngân sách địa phương

(5) Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững về mặt môi trường, bao gồm: Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, Bảo vệ, phục hồi, tái tạo tài nguyên và đa dạng sinh học.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Niên giám Thống kê của Tổng Cục Thống kê trong giai đoạn từ năm 2010 - 2022. Cụ thể nguồn dữ liệu về GDP của ngành nông nghiệp theo giá thực tế, Số lao động có việc làm của ngành nông nghiệp, Đóng góp vào GDP nền kinh tế của lĩnh vực nông nghiệp, và cơ cấu lao động của khu vực kinh tế và năng suất lao động xã hội theo ngành kinh tế. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng các nguồn số liệu thứ cấp liên quan đến sự phát triển của ngành nông nghiệp từ các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành, các báo cáo, các nghị quyết của ngành nông nghiệp.

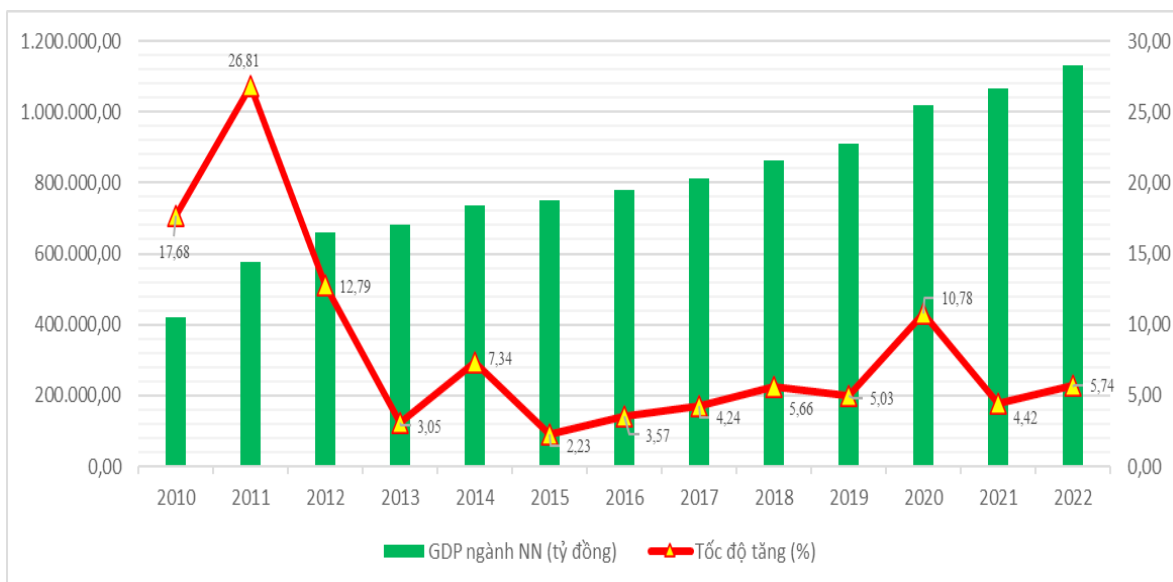
2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả, đánh giá, phân tích nhằm phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010 - 2022.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tăng trưởng quy mô ngành nông nghiệp

Kể từ khi Việt Nam thực hiện đổi mới toàn diện nền kinh tế từ năm 1986, ngành nông nghiệp Việt Nam đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Điều này được thể hiện thông qua quy mô GDP của ngành nông nghiệp ngày một gia tăng. Cụ thể theo số liệu công bố của Tổng Cục Thống kê vào năm 1986, ngành nông nghiệp đạt được mức GDP là 228 tỷ đồng thì đến năm 2010 GDP của ngành nông nghiệp đạt 421.253,37 tỷ đồng. Năm 2022, GDP của ngành nông nghiệp đạt 1.129.908,12 tỷ đồng. Như vậy, so với năm 2010 GDP



Hình 1. GDP của ngành nông nghiệp theo giá thực tế và tốc độ tăng GDP ngành nông nghiệp giai đoạn 2010-2022

Nguồn: Tổng Cục Thống kê, 2010-2022

của ngành nông nghiệp tăng gấp 2,68 lần, tương ứng với mức tăng 708.654,75 tỷ đồng. Nhìn chung, quy mô của ngành nông nghiệp có sự tăng trưởng đều qua các năm, kể cả giai đoạn nền kinh tế phải đối phó với những khó khăn, thách thức chung từ đại dịch covid-19 từ cuối năm 2019 nhưng ngành nông nghiệp vẫn đạt mức tăng trưởng dương trong giai đoạn này, GDP ngành nông nghiệp đạt 1.018.050 tỷ đồng vào năm 2020, tăng 109.792,78 tỷ đồng so với năm 2019 và GDP ngành nông nghiệp tiếp tục đạt mức tăng trưởng vào năm 2021 và 2022 với mức quy mô đạt tương ứng là 1.065.078 tỷ đồng và 1.129.908,12 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng GDP thực bình quân của ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2010-2022 đạt 10 %, và giai đoạn 2019-2022 đạt 7 %.

3.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

“Trong thời gian vừa qua cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng chuyên ngành, lĩnh vực, những sản phẩm có lợi thế và thị trường thuận lợi đã tăng nhanh cả về diện tích, năng suất, sản lượng, chất lượng và tỉ trọng đóng góp cho tăng trưởng. Sản lượng, chất lượng các loại cây trồng chủ lực, có lợi thế đều tăng mạnh, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng mạnh xuất khẩu; Chăn nuôi công nghiệp, ứng dụng

công nghệ cao phát triển mạnh” (Lê Thanh Dung, 2019). Ngoài ra, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê về kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020, Cơ giới hóa sản xuất và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại được chú trọng “Máy móc, thiết bị sử dụng đa dạng ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất với số lượng tăng đáng kể. Bình quân 100 hộ có hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản sử dụng 0,74 ô tô phục vụ sản xuất, gấp 3,89 lần năm 2016; 1,93 máy phát điện, gấp 5,36 lần. Bình quân 100 hộ trồng lúa sử dụng 28,87 bình phun thuốc trừ sâu có động cơ, gấp 2,23 lần; 0,44 máy gặt đập liên hợp, gấp 1,61 lần; 2,84 máy gặt khác, gấp 1,32 lần; 4,02 máy tuốt lúa có động cơ, gấp 1,25 lần. Trong những năm vừa qua, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản còn được tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, trong đó có việc sử dụng ngày càng phổ biến nhà kính, nhà lưới, nhà màng. Tại thời điểm 01/7/2020, tổng diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản sử dụng nhà kính, nhà lưới, nhà màng khu vực nông thôn đạt 56,01 nghìn ha, gấp 13,70 lần năm 2016”.

Qua số liệu được trình bày ở Bảng 1 cho thấy cơ cấu của ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng của lĩnh vực nông nghiệp, từ mức 79,5 % năm 2010 giảm xuống còn 69,7 % vào năm 2022 và tăng dần tỷ trọng của ngành lâm nghiệp và thủy sản tương ứng với mức 5,5 % và 24,8 %. Nhờ

Bảng 1. Cơ cấu giá trị của ngành nông nghiệp (ĐVT: %)

Năm	Toàn ngành	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
2010	100	79,5	3,8	16,7
2011	100	72,3	3,2	24,5
2012	100	77,6	3,3	19,1
2013	100	76,4	3,6	20,0
2014	100	77,6	4,0	18,4
2015	100	74,9	4,3	20,8
2016	100	74,6	4,6	20,8
2017	100	72,9	4,8	22,3
2018	100	71,4	5,0	23,6
2019	100	70,4	5,2	24,4
2020	100	70,3	5,4	24,4
2021	100	70,0	5,5	24,5
2022	100	69,7	5,5	24,8

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Niên giám Thống kê – Tổng cục Thống kê, 2010-2022

Bảng 2. Trị giá xuất khẩu của ngành nông nghiệp và của cả nước giai đoạn 2010-2022 (ĐVT: triệu USD)

Năm	2010	2014	2015	2016	2017
Tổng số	72.236,70	150.217,10	162.016,70	176.580,80	215.118,60
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	5.123,60	7.995,90	6.519,30	8.001,70	8.699,40
Tỷ trọng (%)	7,09	5,32	4,02	4,53	4,04
Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	243.696,80	264.267,20	282.628,90	336.166,80	371.304,20
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9.219,90	7.690,30	7.761,20	8.897,60	9.387,00
Tỷ trọng (%)	3,78	2,91	2,75	2,65	2,53

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2010-2022

áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mà đóng góp giá trị của ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản ngày một gia tăng.

3.3. Hiệu quả kinh tế của ngành nông nghiệp

Ngoài vai trò đóng góp vào an ninh lương thực quốc gia, ngành nông nghiệp còn xuất khẩu nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế cao, đem lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê được trình bày ở Bảng 2 cho thấy quy mô kim ngạch xuất của ngành nông nghiệp có xu hướng tăng. Cụ thể, năm 2010 giá trị xuất khẩu của ngành nông nghiệp đạt 5.123,60 triệu USD thì đến năm 2022 giá trị xuất của ngành nông nghiệp đạt 9.387 triệu USD, tăng 4263,4 triệu USD, tương

ứng với mức tăng 83,2 %. Đặc biệt, nông nghiệp đã xuất khẩu nhiều mặt hàng truyền thống và có giá trị kinh tế cao như cà phê, gạo, hàng thủy sản, rau củ quả. Tuy nhiên, số liệu ở Bảng 2 cũng cho thấy giá trị xuất khẩu của ngành nông nghiệp vẫn còn khá thấp, chiếm tỷ trọng dao động 2,52 % - 7,09 % trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước và tỷ trọng xuất khẩu của ngành nông nghiệp ngày càng có xu hướng giảm so với tổng tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

3.4. Hiệu quả xã hội của ngành nông nghiệp

Sự phát triển của ngành nông nghiệp có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và đóng góp vào sự phát triển của xã thông qua việc

Bảng 3. Số lao động có việc làm của ngành nông nghiệp và của cả nước giai đoạn 2010-2022 (ĐVT: nghìn người)

Năm	2010	2014	2015	2016	2017
Tổng số	49.124,40	53.030,60	53.110,50	53.345,50	53.708,60
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	23.890,30	24.484,30	23.135,70	22.184,30	21.458,70
Tỷ trọng (%)	48,63	46,17	43,56	41,59	39,95
Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	54.282,50	54.659,20	53.609,58	49.072,00	50.604,71
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	20.419,80	18.831,40	17.724,55	14.262,30	13.937,60
Tỷ trọng (%)	37,62	34,45	33,06	29,06	27,54

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2010-2022

cung cấp lương thực thực phẩm, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê được trình bày ở Bảng 3 cho thấy số lượng lao động có việc làm của ngành nông nghiệp năm 2010 đạt 23.890,3 nghìn người và có sự gia tăng từ năm 2010 đến năm 2014. Kể từ năm 2015 trở lại đây, lao động làm việc trong ngành nông nghiệp có xu hướng giảm và đạt 13.937,6 nghìn người vào năm 2022. Lao động trong ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng dao động 27,54 % - 48,63 % trong giai đoạn 2010 - 2022. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp vẫn thiếu lao động có trình độ tay nghề cao. Theo báo cáo điều tra lao động và việc làm năm 2020 của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động ở khu vực nông thôn gần 36,7 triệu người (67 % lực lượng lao động cả nước). Trong khi đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ sơ cấp trở lên tại khu vực nông thôn chỉ đạt 16 %, thấp hơn nhiều so với khu vực thành thị (39,3 %).

3.5. Hiệu quả về mặt bảo vệ môi trường

Trong quá trình phát triển, ngành nông nghiệp luôn chú trọng hoạt động sản xuất gắn với bảo vệ môi trường. Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường “Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường”. Ngành nông nghiệp đang chú trọng sản xuất áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, thay đổi phương thức canh tác, phát triển các mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp an toàn gắn với bảo vệ môi trường. Ngành nông nghiệp đã và đang phối hợp

cùng các ngành chức năng, địa phương tuyên truyền kinh nghiệm hay, phương pháp và cách làm sáng tạo hiệu quả để người dân học tập. Đồng thời, nhà nước cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Bên cạnh đó, phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam còn có sự đóng góp không nhỏ của các chủ thể. Cụ thể, Nhà nước (chính quyền địa phương) là chủ thể thực hiện nhiệm vụ phát huy vai trò của các chủ thể khác trong mô hình liên minh sản xuất và tiêu thụ nông sản, đồng thời đóng vai trò “trọng tài” trong quá trình liên minh, liên kết kinh tế, là nhân tố “kiến tạo” quá trình hình thành và duy trì tính bền vững của các liên minh, liên kết kinh tế; tạo môi trường thuận lợi cho quá trình hình thành các liên minh, liên kết “ba nhà”, “bốn nhà”, thông qua các cơ chế, chính sách... (Phan Thị Trọng Hiếu, 2023); nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã luôn gắn bó với nông dân, hiểu và nắm bắt tâm tư nguyện vọng, nhu cầu kinh tế, nhu cầu sản xuất của nông dân để có chính sách hỗ trợ vốn, kỹ thuật, công nghệ... và bao tiêu sản phẩm hàng hóa; bản thân người nông dân thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, chủ động liên kết, hợp tác với các chủ thể khác trong chuỗi sản xuất để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì trong quá trình phát triển ngành nông nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

Quy mô ngành nông nghiệp nước ta vẫn còn nhỏ. Cụ thể đóng góp của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế còn thấp và có xu hướng ngày càng giảm. Theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê được trình bày ở Bảng 4 thì GDP ngành nông nghiệp chỉ đóng góp dao động ở mức 11,88 % - 16,2 % và có

**Bảng 4. Đóng góp vào GDP nền kinh tế của lĩnh vực
nông nghiệp giai đoạn 2010-2022 (ĐVT: %)**

Năm	Tổng số	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2010	100	15,38	33,02	40,63	10,97
2011	100	16,26	34,58	38,91	10,25
2012	100	16,2	35,86	39,12	8,82
2013	100	15,22	35,58	40,54	8,67
2014	100	14,88	35,3	40,92	8,9
2015	100	14,47	34,27	42,19	9,07
2016	100	13,82	34,12	42,85	9,21
2017	100	12,93	35,39	42,58	9,1
2018	100	12,31	36,54	42,17	8,98
2019	100	11,78	36,8	42,47	8,94
2020	100	12,66	36,74	41,83	8,77
2021	100	12,56	37,48	41,21	8,75
2022	100	11,88	38,26	41,33	8,53

**Bảng 5. Cơ cấu lao động của khu vực kinh tế và năng suất
lao động xã hội theo ngành kinh tế giai đoạn 2010-2022**

Năm	Cơ cấu lao động của khu vực kinh tế (%)			NSLĐ xã hội phân theo ngành kinh tế (triệu đồng/người)			
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Toàn nền kinh tế	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2010	48,6	15,0	36,4	44,0	16,8	80,3	63,8
2011	48,4	14,5	37,1	55,2	22,9	98,3	76,5
2012	47,5	14,4	38,1	63,1	26,2	115,0	83,7
2013	46,8	14,5	38,7	68,7	27,0	124,1	92,9
2014	46,2	15,0	38,8	74,3	28,9	133,4	100,7
2015	43,6	16,3	40,1	97,7	32,5	145,3	123,5
2016	41,6	17,4	41,0	105,7	35,1	143,2	136,2
2017	40,0	18,2	41,8	117,2	37,9	157,9	147,7
2018	37,6	18,8	43,6	129,1	42,2	173,2	154,9
2019	34,5	21,1	44,4	141,0	48,2	172,4	169,0
2020	33,1	21,4	45,54	150,1	57,4	179,0	173,7
2021	29,1	23,2	47,74	171,8	74,7	186,2	197,4
2022	27,5	23,6	48,84	187,9	81,1	200,2	199,2

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2010-2022

xu hướng giảm từ mức đóng 15,38 % GDP chung của toàn nền kinh tế xuống còn 11,88 % vào năm 2022.

Cơ cấu kinh tế nông thôn, nông lâm nghiệp và thủy sản chuyển dịch chậm, sản xuất nhỏ vẫn phổ biến, nông nghiệp vẫn là chủ yếu. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có, tăng trưởng có xu hướng giảm. Cụ thể, theo số liệu được công bố ở Bảng 1 trong cơ cấu kinh tế toàn ngành nông nghiệp thì tỷ trọng giá trị nông nghiệp còn lớn (69,7 %); lâm nghiệp (tỷ trọng

5,5 %) và thủy sản (24,8 %) chưa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Mặc dù lao động trong ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lực lượng lao động của cả nước nhưng năng suất lao động của ngành nông nghiệp lại thấp nhất so với các ngành khác. Theo số liệu được công bố ở Bảng 5 cho thấy lao động trong ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng khá cao, dao động ở mức 27,54 % - 48,6 %. Tuy nhiên, năng suất lao động của khu vực này lại khá thấp, chỉ đạt 81,07 triệu

đồng/người/năm vào năm 2022. Trong khi đó năng suất lao động của ngành công nghiệp vào năm 2022 đạt 200,16 triệu đồng/người/năm và của ngành dịch vụ là 199,2 triệu đồng/người/năm.

Tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái có xu hướng gia tăng, tác động tiêu cực tới tiến trình phát triển kinh tế – xã hội và an sinh xã hội trên địa bàn nông thôn. Ô nhiễm môi trường chậm được khắc phục. Theo kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ năm 2020, “Bên cạnh những thành quả đạt được, sự phát triển kinh tế – xã hội nông thôn và sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản những năm vừa qua bộc lộ ngày càng rõ những yếu kém về bảo vệ môi trường sinh thái. Việc thu gom, xử lý chất thải của khu công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, dịch vụ và rác thải, nước thải sinh hoạt của dân cư trên địa bàn nông thôn còn nhiều bất cập. Tại thời điểm 01/7/2020, cả nước hiện còn 2.095 xã và 27.647 thôn không tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt, chiếm 25,25% tổng số xã và 41,76% tổng số thôn. Thu gom, xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt trên địa bàn nông thôn cũng có tình trạng tương tự. Năm 2020, cả nước có 4.799 xã và 43.250 thôn không có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung, chiếm 57,84% tổng số xã và 65,33% tổng số thôn khu vực nông thôn. Tình trạng thải bỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật ngay tại ruộng, hồ ao, kênh mương, sông suối khá phổ biến. Kết quả điều tra cho thấy, năm 2020, cả nước có 4.096 xã không có điểm thu gom chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, chiếm 49,37% tổng số xã khu vực nông thôn”.

4. Kết luận

Ngành nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong quá trình phát triển và có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển của nền kinh tế. Cụ thể quy GDP của ngành nông nghiệp ngày càng tăng và đạt 1.129.908,12 tỷ đồng vào năm 2022. Cơ cấu của ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng giá trị của ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng giá trị của ngành lâm nghiệp và thủy sản. Ngoài ra, ngành nông nghiệp còn đóng góp vai trò to lớn trong đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, xuất khẩu nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế cao, đem lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước và đóng góp to lớn của ngành nông nghiệp vào bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định như đã phân tích nêu trên. Đề ngành

nông nghiệp tiếp tục phát triển trong thời gian tới, bài viết đề xuất một số khuyến nghị như sau:

- Gia tăng quy mô của ngành nông nghiệp vào đóng góp GDP của nền kinh tế. Để thực hiện nhiệm vụ này, Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nhất là áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại vào trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, xử lý triệt để những tồn tại trong lĩnh vực nông nghiệp như đất đai, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Ngành nông nghiệp tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng hiệu quả, tận dụng và khai thác tối đa hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường và dựa vào tiềm năng vốn có của từng địa phương. Chú trọng mở rộng tiêu thụ sản phẩm, hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tạo thị trường tiêu thụ ổn định và nâng cao giá trị nông sản phẩm.

- Nâng cao năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua chính sách phát triển, đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Phát triển ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Khuyến khích doanh nghiệp, nông hộ áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Giáo trình triết học Mác - Lê Nin*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- Bjork, G.J. (1999) *The Way It Worked and Why It Won't: Structural Change and the Slowdown of U.S. Economic Growth*. Praeger Publishers. Westport, London. DOI: 10.1017/S0022050701448145
- Ban Chấp hành Trung ương (2008). *Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*. Số 26-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008.
- Lê Thanh Dung (2019). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Việt Nam*. Truy cập tại <https://tapchitaichinh.vn/chuyen-dich-co-cau-nganh-kinh-te-o-viet-nam-va-nhung-van-de-dat-ra.html>
- Phan Thị Trọng Hiếu (2023). *Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát huy vai trò của các chủ thể trong mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay*. Truy cập tại <https://donghanhviet.vn/quan-diem-cua-dang-va-nha-nuoc-ve-phat-huy-vai-tro-cac-chu-the-trong-mo-hinh-lien-ket-san-xuat-nong-nghiep-o-viet-nam-hien-nay/>.
- Đinh Phi Hồ, Lê Ngọc Uyển, Lê Thị Thanh Tùng (2006). *Giáo trình kinh tế phát triển*. NXB Thống kê Tp. Hồ Chí Minh.
- FAO (2021). *The State of Food and Agriculture 2021. Making agrifood systems more resilient to shocks and stresses*. FAO Publisher. DOI: <https://doi.org/10.4060/cb4476en>

Nguyễn Thị Miên (2017). Chi tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh đồng bằng ven biển. *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 5. Truy cập tại <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2278-chi-tieu-danh-gia-phat-trien-nong-nghiep-theo-huong-ben-vung-o-tinh-dong-bang-ven-bien.html>

Phan Công Nghĩa (2000). *Giáo trình Thống kê kinh tế*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội.

Solow, R.M. (1956). A Contribution to the Theory of Economic Growth. *Quarterly Journal of Economics*, 70, 65-94.

Swan, T.W., (1956). Economic Growth and Capital Accumulation. *Economic Record*, 32, 334-361.

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Quyết định số 150/QĐ-TTg. Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022.

Tổng Cục Thống kê (2010-2022). *Đóng góp vào GDP nền kinh tế của lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2010-2022*. Truy cập tại: <https://pxweb.gso.gov.vn/pxweb/vi/T%c3%a0i%20kho%e1%ba%a3n%20qu%e1%bb%91c%20gia/V03.02.px/table/tableViewLayout1/?rxid=233fabd8-1944-4ff7-95c7-d398784412b3>

Tổng Cục Thống kê (2010-2022). *Số lao động có việc làm của ngành nông nghiệp và của cả nước giai đoạn 2010-2022*. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/px-web-2pxid=V0242c&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20C4%91%E1%BB%99ng>

Tổng Cục Thống kê (2010-2022). *Năng suất lao động xã hội phân theo ngành kinh tế (*) chia theo Ngành và Năm*. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0257&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20C4%91%E1%BB%99ng>

Development of Vietnam's agricultural industry in the current period

Le Thi Mai Huong

Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Vietnam

Abstract

The article uses secondary data sources collected from the General Statistics Office in the period from 2010 until now and the article uses indicators to evaluate the development of the agricultural sector to evaluate the current development status of Vietnam's agricultural industry. Research results showed that Vietnam's agricultural sector have achieved many remarkable results in the development process, specifically the scale and production value of the agricultural sector have increased, the agricultural sector has shifted towards applying science and technology to production and diversifying products, contributing to increasing economic efficiency and environmental protection efficiency of the industry. Although there are many advantages, but in the process of developing the agricultural sector, there are still some limitations and difficulties such as the low value of the agricultural sector's contribution to the country's GDP, Labor productivity of the agricultural sector is lower than that of other sectors and environmental pollution is still widespread and tends to increase. On that basis, the article presents a number of proposals to contribute to the development of Vietnam's agricultural industry in the near future.

Keywords: Development, a number of proposals, agricultural sector, Vietnam.